

Số: 167/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh
của Trường Đại học Giao thông vận tải**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-KĐCL ngày 03/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXV của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1147/QĐ-KĐCL ngày 03/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXV;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Giao thông vận tải, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXV ngày 23/11/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Giao thông vận tải của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 45 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 90%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Giao thông vận tải và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Giao thông vận tải.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

UỶ
RU
KIỂM
HÀ
GIÁ

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Nghị quyết số: 167/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 11 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		3.67	2	66.67%	Tiêu chuẩn 7		4.00	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4.00	5	100%
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	4	Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.3	3	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9		4.00	5	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5		Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chí 5.1	4	Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.2	4	3.80	4	80%	Tiêu chuẩn 10		3.83	5	83.33%
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4	4.00	7	100%	Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4.20	5	100%
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT					Số tiêu chí đạt				Tỉ lệ số tiêu chí đạt
		45				90%			

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 167/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 11 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh (CTĐT) của Trường Đại học Giao thông vận tải đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2018-2022 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với sứ mạng của Trường và mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện được năng lực yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có các thông tin cốt lõi; được định kỳ rà soát, cập nhật. Chương trình dạy học được thiết kế theo chuẩn đầu ra; có cấu trúc và trình tự hợp lý, nội dung có tính cập nhật. Các hoạt động dạy và học phù hợp với yêu cầu đặc thù của ngành; việc phát triển kỹ năng nghề nghiệp được chú trọng. Đánh giá người học được quy định cụ thể để thực hiện. Công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ được quan tâm; giảng viên có năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh khá rõ ràng, cập nhật được ban hành. Hệ thống giám sát tiến độ học tập của người học được thiết lập. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan được quan tâm tạo dựng. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện CTĐT. Thư viện được đầu tư, có không gian đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức hoạt động đào tạo được chú trọng. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan phục vụ phát triển CTĐT được thiết lập; kết quả khảo sát được sử dụng trong cập nhật CTĐT, cải tiến chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, giám sát; tỉ lệ có việc làm và việc làm phù hợp cao; nghiên cứu khoa học sinh viên được quan tâm triển khai có nền nếp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Cải tiến việc khảo sát lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan để tiếp tục rà soát, cập nhật mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT đảm bảo phù hợp định hướng nghiên cứu và sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Nhà trường. Điều chỉnh các chuẩn đầu ra để đảm bảo được nguyên tắc SMART. Đa dạng các hình thức phổ biến chuẩn đầu ra tới các bên liên quan.

2. Cập nhật bản mô tả CTĐT, hoàn thiện ma trận chuẩn đầu ra CTĐT với các học phần. Rà soát, điều chỉnh đề cương các học phần, xác định chuẩn xác chuẩn đầu ra học phần và sự tương thích với chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, cập nhật nội dung, phương pháp dạy học và

kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích với chuẩn đầu ra; cập nhật học liệu, các kiến thức mới về ngành đào tạo; thể hiện rõ các nội dung tự học và cách thức giám sát, đánh giá phù hợp.

3. Cập nhật các quy định, hướng dẫn về xây dựng, phát triển chương trình dạy học một cách tổng thể, có tính hệ thống. Hoàn thiện bản ma trận kỹ năng, xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần làm cơ sở bổ sung, cập nhật nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo các học phần đều có đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Thể hiện rõ tính thực tiễn và tích hợp của CTĐT theo yêu cầu tiếp cận CDIO. Điều chỉnh linh hoạt chuyên đề thực tập thực tế và đồ án tốt nghiệp. Nghiên cứu xây dựng một số học phần tích hợp với số lượng tín chỉ lớn hơn theo hướng giảng dạy theo dự án theo quy trình CDIO.

4. Có hướng dẫn chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT. Phân tích, đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của các hoạt động dạy và học làm cơ sở cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học tích cực. Có chính sách phát triển hệ thống bài tập tình huống và khuyến khích nhiều học phần đưa các bài tập tình huống hướng đến phát triển kỹ năng phân biện và giải quyết vấn đề một cách toàn diện cho người học. Chú trọng hơn nữa việc phát triển các kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng phân biện, tính sáng tạo, khả năng học tập suốt đời và năng lực nghiên cứu của người học.

5. Ban hành hướng dẫn lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra và thiết kế các rubrics đánh giá cho các loại hình đánh giá lý thuyết, thực hành, đồ án tốt nghiệp. Đa dạng các hình thức đánh giá trực tiếp các năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tế, mức độ rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng kiến tạo của người học. Giám sát chặt chẽ công tác xây dựng và phân biện đề thi, đáp án; phân tích đánh giá độ giá trị và tin cậy của đề thi; đánh giá tương quan kết quả đánh giá quá trình và kết quả đánh giá cuối học phần để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp. Sớm có kế hoạch tổng thể, phát triển công cụ để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT đối với người học trước khi tốt nghiệp theo quy định.

6. Cụ thể hóa năng lực phù hợp với yêu cầu đặc thù của CTĐT theo vị trí việc làm để điều chỉnh các tiêu chí tuyển dụng giảng viên. Có giải pháp phù hợp để đảm bảo được số lượng và nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, nhất là về khoa học giáo dục để đáp ứng yêu cầu phát triển của CTĐT. Có hướng dẫn giảng viên thực hiện và có cơ chế ghi nhận kết quả thực hiện, khen thưởng trong hoạt động phục vụ cộng đồng. Tăng cường các hợp tác để gia tăng hơn nữa các công bố quốc tế; hợp tác doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nghiên cứu, chuyển giao để tăng nguồn lực và thương hiệu cho Trường, Khoa.

7. Thực hiện khảo sát nhu cầu và tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên theo vị trí việc làm và theo tiếp cận năng lực để hỗ trợ hiệu quả cho CTĐT. Sử dụng bộ chỉ số KPIs để xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện có ghi nhận cống hiến và khuyến khích tự đào tạo, phát triển cá nhân. Quan tâm phát huy vai trò của cố vấn học tập, tính tự chủ và chủ động của Khoa, đơn vị trong tuyển dụng, lựa chọn, giám sát và đánh giá nhân viên gắn với hiệu quả để phát huy sáng tạo.

8. Đa dạng hoá và mở rộng phạm vi khảo sát lấy ý kiến phản hồi để tiếp tục cập nhật chính sách tuyển sinh; cải tiến các hình thức truyền thông tuyển sinh để tăng hiệu quả. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo có cảnh báo sớm kết quả học giúp sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập. Cải tiến hiệu quả hệ thống giám sát, hỗ trợ để tăng số tốt nghiệp đúng hạn,

giảm tỉ lệ nợ học phần; tăng cường các hoạt động ngoại khoá, câu lạc bộ, các cuộc thi và thu hút nhiều sinh viên tham gia.

9. Nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tập huấn, giám sát sinh viên thực hành thí nghiệm. Bổ sung đầy đủ tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu của CTĐT; tăng cường nguồn học liệu số, phát triển thư viện điện tử; kết nối, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên số của các cơ sở giáo dục, nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước phục vụ CTĐT. Tiếp tục triển khai thực hiện chuyển đổi số theo lộ trình khả thi. Có quy định/hướng dẫn triển khai thực hiện công tác vệ sinh, an toàn, phòng cháy chữa cháy theo quy định và tính đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Cải tiến cơ chế phản hồi các bên liên quan để thông tin thu được thực sự hữu ích, phục vụ phát triển chương trình dạy học, cải thiện cơ sở vật chất, các tiện ích và các hoạt động hỗ trợ. Rà soát, chuẩn hoá công cụ khảo sát; có hướng dẫn cụ thể việc phân tích, đối sánh, lựa chọn sử dụng kết quả khảo sát làm cơ sở cho các điều chỉnh, cải tiến; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đảm bảo chất lượng bên trong tích hợp có thể trích xuất hỗ trợ hiệu quả trong việc điều chỉnh, phát triển CTĐT.

11. Quan tâm đầy đủ việc xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới các nhà sử dụng lao động; thường xuyên thực hiện khảo sát nhà sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với sinh viên tốt nghiệp. Phối hợp với doanh nghiệp để xây dựng phương thức đánh giá chất lượng đào tạo và mức độ đạt chuẩn đầu ra, làm cơ sở tiếp tục cải tiến, nâng cao mức độ hài lòng của các nhà sử dụng lao động và các bên liên quan. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp trong sinh viên cả về qui mô và chất lượng.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

